

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 12 -2023
V/v: “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh X, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu phố Lương Tr, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

Các đương sự đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện BB. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt vì chị Nguyễn Thị Mỹ X nhiều lần phát sinh mối quan hệ

bên ngoài. Hiện nay, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống. Hôn nhân của vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên anh L cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh X.

2. *Về con chung*: Anh L và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 08/01/2010. Anh Nguyễn Văn L yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh X cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn-Chị Nguyễn Thị Minh X vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thủ tục thụ lý và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vì vậy, vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Minh X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn L.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Nguyễn Thị Minh X.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn H (sinh ngày 08/01/2010) cho anh Nguyễn Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị Minh X được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Minh X nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn S huyện BB, tỉnh BTh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BB.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ Trích lục kết hôn (Bản sao) số 155/TLKH-BS ngày 20/6/2023 thì anh Nguyễn Văn Long và chị Nguyễn Thị Minh X tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh (*Theo Chứng nhận kết hôn số 112/2009, ngày 19/8/2009*) nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X là hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng được quy định tại Điều 19; Điều 21 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, theo lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế, vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X đã không còn sống chung, không còn quan tâm, thương yêu, tin tưởng, tôn trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Minh X đã không còn tình nghĩa vợ chồng. Anh L không tin tưởng vợ cho rằng chị X có tình cảm với người đàn ông khác nên bỏ anh đi. Đối với chị X, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tuy được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng chị X có tình vắng mặt, điều này chứng tỏ chị X không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân với anh L. Hội đồng xét xử nhận thấy, cả hai vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Về quyền nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, anh L và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 08/01/2010, cháu H đang ở với anh Nguyễn Văn L. Anh L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu H đang sống cùng anh L và được chăm sóc, giáo dục tốt. Tuy nguyện vọng của cháu H là muốn sống cùng mẹ nhưng quá trình Tòa án thụ lý, chị X không thể hiện ý kiến gì đối với nguyện vọng của cháu H, đồng thời, hiện nay, chị X không sinh sống tại địa phương nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu H cho chị X theo nguyện vọng của con là không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy, trên cơ sở đánh giá toàn diện về khả năng chăm sóc, giáo dục và tính ổn định về chỗ ở, học hành cho cháu H, cần thiết tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn H cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 21; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh X.

2. Về con chung:

2.1. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 08/01/2010 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn

Thị Minh X được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

1. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001232 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB; anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BTh;
- VKSND huyện BB
- THADS huyện BB;
- UBND Thị trấn S (hộ tịch);
(CNKH số 112/2009, ngày 19/8/2009)
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo